

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XTB**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XTB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XTB INVESTMENT CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: XTB INVESTMENT CONSTRUCTION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109883071

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14 ngõ 392 đường Phương Canh, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984352367

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa;<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển.<br>- chống ẩm các tòa nhà. | 4390     |
| 3.  | Trồng lúa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0111     |
| 4.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác<br>Chi tiết:<br>- Trồng ngô, lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0112     |
| 5.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0113     |
| 6.  | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0114     |
| 7.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0115     |
| 8.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0116     |
| 9.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0117     |
| 10. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0118     |
| 11. | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0119     |
| 12. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0121     |
| 13. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0122     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0123        |
| 15. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0124        |
| 16. | Trồng cây cao su                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0125        |
| 17. | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0126        |
| 18. | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0127        |
| 19. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0128        |
| 20. | Trồng cây lâu năm khác<br>Chi tiết:<br>- Trồng cây cảnh lâu năm;<br>- Trồng cây lâu năm khác còn lại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0129        |
| 21. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0141        |
| 22. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0142        |
| 23. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0144        |
| 24. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0145        |
| 25. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0146        |
| 26. | Chăn nuôi khác<br>Chi tiết:<br>- Nuôi và tạo giống chó, mèo, thỏ, bò sát;<br>- Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong;<br>- Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;<br>- Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi                                                                                                                                                                                | 0149        |
| 27. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0150(Chính) |
| 28. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0161        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0162        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0163        |
| 31. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0164        |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5621        |
| 33. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.<br>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp. | 5629        |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 36. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 37. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 38. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |

|     |                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                     | 4291 |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công) | 4299 |
| 41. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                             | 4312 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TÔ TIỀN BÌNH \_\_\_\_\_ Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 10/02/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 121758833  
 Ngày cấp: 19/10/2013 Nơi cấp: Công an Tỉnh Bắc Giang  
 Địa chỉ thường trú: Thôn 7, Xã An Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số 14 ngõ 392 đường Phương Canh, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội